

**PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2011/QĐ-UBND

*Rạch Giá, ngày 25 tháng 3 năm 2011*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Bảng giá tính thuế khai thác thủy sản  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Thông tư số 03/2002/TT-BTC ngày 14 tháng 01 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý thu thuế đối với các cơ sở hoạt động khai thác thủy sản;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 414/TTr-STC ngày 29 tháng 12 năm 2010 về việc ban hành Bảng giá tính thuế khai thác thủy sản năm 2011,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này là Bảng giá tính thuế khai thác thủy sản trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

**Điều 2.** Bảng giá tính thuế khai thác thủy sản nêu tại Điều 1 Quyết định này được áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2011. Bảng giá tính thuế này được thay đổi trong trường hợp giá cả thủy sản trên thị trường biến động tăng hoặc giảm từ 20% trở lên thì Sở Tài chính có trách nhiệm trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định điều chỉnh cho phù hợp với thực tế.

Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này thay thế Quyết định số 68/2002/QĐ-UB ngày 23 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Bảng giá tính thuế ngành khai thác thủy sản thuộc khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Sơn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG GIÁ TÍNH THUẾ KHAI THÁC THỦY SẢN NĂM 2011**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2011/QĐ-UBND*

*ngày 25 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

STT	Ngành nghề	Chủng loại	Cơ cấu %	Đơn vị tính	Đơn giá (ĐVT: đồng)
01	Lưới kéo (cào đơn, cào đôi)	Tôm	4%	Kg	25.000
		Mực	3%	Kg	35.000
		Cá loại 1-3	5%	Kg	10.000
		Cá loại 4-6	10%	Kg	7.000
		Cá tạp	78%	Kg	2.500
02	Vây bao cá cơm	Cá cơm, cá trích	100%	Kg	5.000
03	Lưới vây bao (ba thú, bạc má)	Cá loại 4-6	100%	Kg	8.000
04	Lưới ghe	Ghe	100%	Kg	50.000
05	Lưới thung	Cá loại 4-6	100%	Kg	7.000
06	Câu kiều	Cá loại 1-3	10%	Kg	60.000
		Cá đuối	90%	Kg	7.000
07	Câu thu, lạc, rách	Cá loại 1-3	30%	Kg	20.000
		Cá loại 4-6	70%	Kg	10.000
08	Lưới hường bóng	Cá loại 1-3	30%	Kg	20.000
		Cá loại 4-6	70%	Kg	7.000
09	Mành đèn	Cá loại 4-6	100%	Kg	5.000
10	Lưới rừng bờ	Cá loại 4-6	100%	Kg	7.000
11	Câu mực	Mực	100%	Kg	35.000
12	Lưới rê thu	Cá loại 1-3	36%	Kg	20.000
		Cá loại 4-6	64%	Kg	10.000
13	Lưới si (cá trích)	Cá trích	100%	Kg	4.500
14	Cào nghêu, lựa	Nghêu, lựa	100%	Kg	5.000
15	Lưới tôm	Tôm	100%	Kg	50.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thanh Sơn**